

Số: 32/QĐ- ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng chính quy đợt 1 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 30/5/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2020;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng đợt 1 năm 2020, họp ngày 13/3/2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận **81** sinh viên tốt nghiệp **CAO ĐẲNG** hệ chính quy (có danh sách kèm theo), gồm các ngành:

TT	Ngành	Tổng số SV	Xếp loại tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3	0	0	1	2
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	1	1	2	0
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	41	1	7	27	6
4	Công nghệ thông tin	3	0	0	2	1
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	15	1	3	9	2
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5	0	0	4	1
7	Điện công nghiệp	3	0	0	2	1
8	Công nghệ thực phẩm	2	0	0	2	0
9	Thú y	5	0	1	2	2
	Tổng cộng	81	3	12	51	15

Điều 2. Các Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2020

(Kèm theo quyết định số : 32 /QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 16 tháng 3 năm 2020)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Lớp 2OT014A - Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
1	14101073	Trương Phú Vinh	15/10/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.73	Khá	
II. Lớp 2CTT15A - Ngành Công nghệ thông tin									
2	15104016	Nguyễn Đức Hiền	05/01/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.05	Trung bình	
3	15104044	Nguyễn Huỳnh Thị Hồng Nhi	27/02/1995	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.58	Khá	
III. Lớp 2CTP15A - Ngành Công nghệ thực phẩm									
4	15105015	Lưu Đức Huy	12/12/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.54	Khá	
IV. Lớp 2CCK15A - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
5	15108021	Trương Hoài Lập	02/3/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
V. Lớp 2OTO15A - Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
6	15120038	Bùi Minh Hoàng	01/6/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	
7	15120055	Trương Hoàng Lâm	05/6/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.28	Trung bình	
8	15120089	Nguyễn Hoàng Phúc	18/4/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.40	Trung bình	
VI. Lớp 2CDT15A - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
9	15124013	Nguyễn Minh Tiến	10/10/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.35	Trung bình	
10	15124015	Nguyễn Hữu Trí	03/7/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
VII. Lớp 2DCN15A - Ngành Điện công nghiệp									
11	15126039	Lữ Minh Vũ	10/12/1997	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.76	Khá	
12	15126042	Huỳnh Hiếu Vinh	02/01/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	
VIII. Lớp 2DHK15A - Ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí									
13	15127011	Trương Công Hậu	30/4/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.85	Khá	
IX. Lớp 2OTO16A - Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
14	16101007	Hồ Huy Bình	01/12/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.95	Khá	
15	16101009	Nguyễn Văn Bá Cẩn	07/3/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
16	16101015	Nguyễn Ngọc Đạt	12/8/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
17	16101025	Võ Văn Duy	01/3/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.19	Khá	
18	16101026	Dương Nhật Duy	24/02/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	3.31	Giỏi	
19	16101028	Lê Minh Giang	04/9/1996	Sóc Trăng	Nam	Kinh	2.95	Khá	
20	16101030	Nguyễn Thanh Hạ	20/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.13	Khá	
21	16101034	Lâm Minh Hào	19/11/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.79	Khá	
22	16101038	Phạm Phước Hậu	30/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.64	Khá	
23	16101043	Võ Khoa Học	21/7/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.93	Khá	
24	16101063	Trần Đức Mạnh	11/9/1998	Cà Mau	Nam	Kinh	2.54	Khá	
25	16101067	Sơn Hoàng Nam	21/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Khmer	2.81	Khá	
26	16101077	Nguyễn Cao Nhân	07/12/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
27	16101101	Nguyễn Anh Quý	31/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.87	Khá	
28	16101108	Lê Đức Tài	08/10/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
29	16101110	Nguyễn Minh Tài	16/11/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.66	Khá	
30	16101120	Nguyễn Nhựt Thanh	10/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
31	16101134	Lê Đức Tín	24/02/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
32	16101146	Thái Nhựt Trường	15/9/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
X. Lớp 2DDT16A - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử									
33	16103004	Nguyễn Tiến Hảo	27/02/1994	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.47	Giỏi	
34	16103012	Lâm Văn Ngà	24/5/1993	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.98	Khá	
35	16103018	Võ Thanh Sơn	29/10/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.65	Khá	
36	16103027	Võ Tường Vi	26/02/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.72	Xuất sắc	
XI. Lớp 2CTT16A - Ngành Công nghệ thông tin									
37	16104039	Nguyễn Thanh Tùng	22/3/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
XII. Lớp 2CTP16A - Ngành Công nghệ thực phẩm									
38	16105026	Võ Thị Trúc Quyên	27/9/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.92	Khá	
XIII. Lớp 2CCK16A - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
39	16108005	Trần Văn Đông	25/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.65	Khá	
40	16108007	Nguyễn Nhật Duy	03/01/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.83	Khá	
41	16108038	Đoàn Minh Lộc Em	28/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.78	Khá	
42	16108041	Nguyễn Trường Phát	11/01/1998	Tp HCM	Nam	Kinh	2.53	Khá	
XIV. Lớp 2BTY16A - Ngành Thú y									
43	16110003	Nguyễn Minh Đoàn	05/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
44	16110007	Hồ Văn Đức Duy	17/3/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.49	Trung bình	
45	16110046	Hồ Long Hiền	30/8/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.48	Giỏi	
46	16110050	Nguyễn Minh Thư	07/12/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.74	Khá	
47	16110056	Trần Khắc Công	25/5/1998	Hưng Yên	Nam	Kinh	2.56	Khá	
XV. Lớp 2CDT16A - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
48	16124003	Phan Ngọc Khánh	01/11/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.76	Khá	
XVI. Lớp 2DCN16A - Ngành Điện công nghiệp									
49	16126025	Tiêu Hoàng Duy	06/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.81	Khá	
XVII. Lớp 2DHK16A - Ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí									
50	16127001	Hồ Hoàng Bảo	14/9/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.91	Khá	
51	16127006	Lê Thành Đạt	25/01/1998	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
52	16127008	Lê Huỳnh Đức	15/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.16	Khá	
53	16127009	Nguyễn Thanh Duy	30/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
54	16127010	Cao Ngọc Hải	15/02/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	2.46	Trung bình	
55	16127011	Lê Minh Hiếu	09/7/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.60	Khá	
56	16127012	Lê Thanh Hoài	26/5/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
57	16127015	Đặng Thanh Lượng	22/9/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.72	Xuất sắc	
58	16127017	Mai Hữu Nghĩa	04/7/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.19	Khá	
59	16127023	Nguyễn Tấn Quý	29/11/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	2.52	Khá	
60	16127025	Nguyễn Chí Thông	16/12/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.70	Khá	
61	16127028	Lê Thành Tính	12/02/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Dân tộc	ĐTB CTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
62	16127034	Đoàn Minh Đường	14/8/1996	Bạc Liêu	Nam	Kinh	3.14	Khá	
63	16127039	Lê Văn Sơn	26/01/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	3.01	Khá	
XVIII. Lớp 2OTO17A - Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
64	17101007	Lê Trường An	05/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.86	Khá	
65	17101010	Trần Quốc Anh	27/12/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.05	Khá	
66	17101018	Nguyễn Phúc Cường	25/10/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.73	Khá	
67	17101019	Châu Quốc Cường	10/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.77	Khá	
68	17101021	Lê Chí Cường	12/12/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
69	17101027	Dương Thạch Thành Đạt	12/3/1998	Sóc Trăng	Nam	Khmer	3.83	Xuất sắc	
70	17101029	Trần Nguyễn Đạt	18/3/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
71	17101030	Nguyễn Lê Thành Đạt	05/02/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.87	Khá	
72	17101032	Phạm Thành Đạt	06/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.90	Khá	
73	17101048	Kiều Anh Duy	22/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.83	Khá	
74	17101049	Phạm Thế Duy	19/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
75	17101050	Phạm Thanh Duy	28/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.00	Khá	
76	17101060	Nguyễn Văn Hiệu	11/12/1995	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.59	Giỏi	
77	17101062	Nguyễn Thanh Hòa	04/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.82	Khá	
78	17101070	Đặng Quang Huy	04/12/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.71	Khá	
79	17101089	Đặng Vĩ Khang	17/11/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.72	Khá	
80	17101178	Phạm Văn Tài	01/6/1998	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.17	Khá	
81	17101214	Nguyễn Hữu Tiến	26/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.88	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi